TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/KDTM-PT
Ngày: 22-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Ông Đào Quốc Thịnh

Ông Nguyễn Ngọc Tài

Thư ký phiên toà: Bà Lâm Hỷ Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22-01-2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2025/TLPT-KDTM ngày 16-12-2025 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 40/2025/KDTM-ST ngày 10-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7851/2025/QĐ-PT ngày 30-12-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Đ.

Địa chỉ: Số 105 Đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Tùng S – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: 53B đường N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 12 Đường D Khu biệt thự R, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Thế B, sinh năm 1967 (có mặt); Địa chỉ: 62 đường H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 16-9-2024).

Bị đơn: Công ty C.

Địa chỉ: Số 6, Đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Duy H – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hải N, sinh năm 1967 (có mặt). Địa chỉ: 338/28 Đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 29-9-2025).

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn Công ty Đ trình bày:

Từ tháng 9-2014 đến tháng 11-2015, Công ty Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) có ký 02 Hợp đồng kinh doanh thương mại với Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty C), cụ thể:

1/ Hợp đồng kinh tế số 29-14/TĐ-EMEC ngày 23-9-2014 và Phụ lục Hợp đồng số 2 ngày 01-12-2014 về việc Công ty Đ bán vật tư, thiết bị cho Công ty C, trị giá hợp đồng là 4.129.182.970 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên có thực hiện việc điều chỉnh số lượng hàng hoá và đơn giá hàng nên trị giá của hợp đồng tăng lên là 4.558.883.109 đồng (giá đã bao gồm thuế VAT).

Công ty Đ đã hoàn tất các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, Công ty C đã thanh toán một phần số tiền của hợp đồng này, cụ thể như sau:

- Ngày 26-11-2014, Công ty C tạm ứng lần 1: 825.836.594 đồng;

- Ngày 16-01-2015, Công ty C tạm ứng lần 2: 412.918.297 đồng;

- Ngày 11-9-2015, Công ty C thanh toán: 2.700.000.000 đồng.

Tổng cộng Công ty C đã thanh toán cho Công ty Đ số tiền của Hợp đồng này là 3.938.754.891 đồng.

Công ty C còn nợ Công ty Đ: 4.558.883.109 đồng -3.938.754.891 đồng = 620.128.218 đồng (1).

2/ Hợp đồng kinh tế số 25-15/TĐ-EMEC ngày 20-11-2015 về việc Công ty Đ bán vật tư, thiết bị cho Công ty C, trị giá hợp đồng là 898.385.520 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên có thực hiện việc điều chỉnh số lượng hàng hoá và đơn giá hàng nên trị giá của hợp đồng tăng lên là 942.880.016 đồng (giá đã bao gồm thuế VAT).

Đến nay Công ty C chưa thanh toán khoản tiền nào của Hợp đồng số 25-15/TĐ-EMEC ngày 20-11-2015 cho Công ty Đ. Công ty C còn nợ Công ty Đ số tiền của hợp đồng số 25-15/TĐ-EMEC ngày 20-11-2015 là 942.880.016 đồng (2).

3/ Công ty Đ còn ký kết hợp đồng Thi công xây dựng số 19-15/TĐ-EMEC ngày 30-10-2015 với Công ty C về việc Công ty Đ bán vật tư, thiết bị cho công ty C với giá trị hợp đồng là 19.173.897.353 đồng đã bao gồm thuế VAT.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp đồng, Công ty C đã thanh toán một phần số tiền của hợp đồng như sau:

- Ngày 07-12-2015, Công ty C thanh toán cho Công ty Đ số tiền là 1.100.000.000 đồng;

- Ngày 10-01-2018, Công ty C thanh toán cho Công ty Đ số tiền là 778.466.512 đồng;

- Ngày 11-01-2018, Công ty C thanh toán cho Công ty Đ số tiền là 4.737.334.217 đồng;

- Ngày 31-01-2019, Công ty C thanh toán cho Công ty Đ số tiền là 2.914.652.590 đồng.

Hoá đơn Công ty Đ đã xuất cho Công ty C:

- Ngày 07-12-2015, Công ty Đ xuất hoá đơn số 835 cho Công ty C số tiền là 1.100.000.000 đồng;

- Ngày 26-12-2017, Công ty Đ xuất hoá đơn số 102 cho Công ty C số tiền là 4.737.334.217 đồng;

- Ngày 27-12-2018, Công ty Đ xuất hoá đơn số 188 cho Công ty C số tiền là 4.468.783.874 đồng.

Tổng giá trị hoá đơn Công ty Đ đã xuất cho Công ty C là 10.306.118.091 đồng.

Công ty C hiện vẫn còn nợ Công ty Đ số tiền chưa thanh toán của hợp đồng số: 19-15/TĐ-EMEC ngày 30-10-2015 là: 10.306.118.091 đồng - 9.530.453.319 đồng = 775.664.772 đồng. Do đó, ngày 17-3-2025, Công ty Đ có Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc Công ty C phải trả cho Công ty Đ số tiền còn nợ của Hợp đồng số: 19-15/TĐ-EMEC ngày 30-10-2015 là 775.664.772 đồng (3).

Tổng cộng Công ty Đ yêu cầu Toà buộc Công ty C thanh toán số tiền còn nợ của 03 Hợp đồng nêu trên là: 620.128.218 đồng (1) + 942.880.016 đồng (2) + 775.664.772 đồng (3) = 2.338.673.006 đồng.

Tại phiên toà, ông Phan Thế Bảo là người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn rút đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc Công ty Đ trả nợ theo Hợp đồng số: 19-15/TĐ-EMEC ngày 30-10-2015 là 775.664.772 đồng, do Công ty C đã chấm dứt tư cách thành viên trong liên danh gói thầu E10 "Di dời đường dây trung hạ thế 220V, 400V, 12,7Kv đến 35Kv thuộc dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành (Gói thầu E10: Công ty C là nhà thầu chính ký Hợp đồng với Chủ đầu tư và Công ty Đ là nhà thầu phụ của Công ty C). Công ty Đ không có cơ sở để tiếp tục triển khai Hợp đồng đã ký. Sau khi công trình được thanh, quyết toán với Chủ đầu tư, nếu giữa Công ty Đ và Công ty C không thoả thuận được với nhau về việc thanh toán công nợ của Hợp đồng này thì Công ty Đ sẽ khởi kiện Công ty C đối với yêu cầu của Hợp đồng này sau.

Công ty Đ giữ yêu cầu Toà án buộc Công ty C có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng số: 29-14/TĐ-EMEC ngày 23-9-2014, Phụ lục Hợp đồng số 2 ngày 01-12-2014 và Hợp đồng số: 25-15/TĐ-EMEC ngày 20-11-2015 với số

tiền tổng cộng là: 620.128.218 đồng (1) + 942.880.016 đồng (2) = 1.563.008.234 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty C đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên toà nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty C đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với nội dung khởi kiện của Công ty Đ.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 40/2025/KDTM-ST ngày 10-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty Đ về việc yêu cầu Bị đơn - Công ty C thanh toán số tiền mua hàng còn nợ của Hợp đồng kinh tế số: 29-14/TĐ-EMEC ngày 23-9-2014; Phụ lục Hợp đồng số 2 ngày 01-12-2014 và Hợp đồng kinh tế số: 25-15/TĐ-EMEC ngày 20-11-2015.

2. Buộc Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ số tiền mua hàng còn nợ tính đến ngày 10-9-2025 với số tiền tổng cộng là 1.563.008.234 (một tỷ, năm trăm sáu mươi ba triệu, không trăm lẻ tám nghìn, hai trăm ba mươi bốn) đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của Công ty Đ, yêu cầu Toà án buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền còn nợ của Hợp đồng số: 19-15/TĐ-EMEC ngày 30-10-2015 với số tiền là: 775.664.772 (bảy trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi hai) đồng.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06-10-2025, Bị đơn Công ty C có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án số 40/2025/KDTM-ST ngày 10-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 40/2025/KDTM-ST ngày 10-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty Đ yêu cầu thanh toán tiền mua hàng còn nợ theo hợp đồng mua bán hàng hoá, phụ lục hợp đồng được ký kết giữa hai bên. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá, phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Bị đơn có trụ sở tại phường Phú Thọ, nên Toà án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 10-9-2025, Toà án nhân dân Khu vực 3 xét xử sơ thẩm; ngày 08-10-2025, Toà án nhân dân Khu vực 3 nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 06-10-2025 của Bị đơn. Xét thấy, đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét bị đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng khi xét xử vắng mặt Bị đơn do Bị đơn đã có văn bản đề nghị hoãn phiên toà; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 23-7-2025, Toà án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-KDTM, mở phiên toà vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 21-8-2025; ngày 30-7-2025, Bị đơn nhận được quyết định nêu trên nhưng vắng mặt tại phiên toà nên Thẩm phán ra quyết định hoãn phiên toà số 122/2025/QĐST-DS ngày 21-8-2025 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và ấn định ngày xét xử lại là ngày 10-9-2025. Ngày 09-9-2025, Toà án sơ thẩm nhận được Văn bản số 371/ĐC-TCHC của Bị đơn đề nghị hoãn phiên toà sơ thẩm ngày 10-9-2025 với lý do: Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Duy Hải có lịch đi công tác nước ngoài từ ngày 09-9-2025 nên không tham gia phiên toà và cũng không ủy quyền cho người khác đại diện được. Xét thấy, Bị đơn đã nhận được giấy triệu tập tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng Bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan do đó Toà án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó Bị đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng khi xét xử vắng mặt Bị đơn là không có cơ sở.

[4] Xét Bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; Hội đồng xét xư nhận thấy:

[5] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Nguyên đơn và Bị đơn ký kết các Hợp đồng kinh tế số: 29-14/TĐ-EMEC ngày 23-9-2014 và Phụ lục Hợp đồng số 2 ngày 01-12-2014; Hợp đồng kinh tế số: 25-15/TĐ-EMEC ngày 20/11/2015 và Hợp đồng thi công xây dựng số: 19-15/TĐ-EMEC ngày 30-10-2015 về việc mua bán hàng hoá, các hợp đồng, phụ lục được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp các quy định của pháp luật về hình thức và

nội dung nên có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Nguyên đơn xác định Bị đơn còn nợ Nguyên đơn 620.128.218 đồng của Hợp đồng số: 29-14/TĐ-EMEC ngày 23-9-2014, Phụ lục Hợp đồng số 2 ngày 01-12-2014 và 942.880.016 đồng của hợp đồng số: 25-15/TĐ-EMEC ngày 20-11-2015, tổng cộng nợ là 1.563.008.234 đồng.

[6] Xét thấy, Bị đơn cho rằng khoản nợ Nguyên đơn yêu cầu liên quan đến Phiếu nhập kho số 53 ngày 23-9-2015 và Phiếu xuất kho số 92 ngày 23-9-2015, cụ thể theo Phiếu nhập kho số 53, người bàn giao vật tư cho Bị đơn là ông Khuất Hải Duy và theo Phiếu xuất kho số 92 cùng ngày 23-9-2015, Bị đơn ký bàn giao lại toàn bộ vật tư cho ông Khuất Hải Duy, như vậy thực tế Bị đơn chưa nhận bàn giao vật tư từ Nguyên đơn. Phía Nguyên đơn trình bày sở dĩ Phiếu nhập kho và xuất kho ký cùng ngày là nhằm tiết kiệm chi phí vận chuyển theo yêu cầu của Bị đơn, Nguyên đơn mua vật tư cung cấp cho Bị đơn, sau đó Bị đơn bàn giao lại các vật tư trên cho Nguyên đơn để cung cấp cho đơn vị thi công lắp đặt tại công trường; Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của Nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với trên Phiếu nhập kho số 53 có đóng dấu nội dung "nhập xuất thẳng" và trên phiếu xuất kho số 92 có đóng dấu nội dung "liên hệ phiếu NX thẳng số 53 ngày 23-9-2015"; đồng thời khối lượng theo phiếu xuất – nhập kho vật tư đã được lắp đặt, xác nhận khối lượng hoàn thành theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày 28-7-2016 ký xác nhận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công là Bị đơn; Thư xác nhận nợ của Bị đơn đối với Nguyên đơn ngày 08-3-2024. Do đó lý do Bị đơn nêu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đối với nội dung kháng cáo Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn trả lại cho Bị đơn 1.065.558.864 đồng là khoản tiền Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn vượt quá của Hợp đồng số 19-15/TĐ-EMEC ngày 30-10-2015; Xét thấy yêu cầu của Bị đơn chưa được thụ lý giải quyết tại cấp sơ thẩm do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét tại cấp phúc thẩm.

[8] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung, Nguyên đơn có Đơn đề ngày 08-9-2025 rút yêu cầu, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của Nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[9] Từ nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn nợ gốc 1.563.008.234 đồng là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của Bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[10] Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty C. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 40/2025/KDTM-ST ngày 10-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, các điều 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại; các điều 430, 431, 434, 440 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ.

Buộc Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ số tiền mua hàng còn nợ tính đến ngày 10-9-2025 là 1.563.008.234 (một tỷ, năm trăm sáu mươi ba triệu, không trăm lẻ tám nghìn, hai trăm ba mươi bốn) đồng của Hợp đồng kinh tế số: 29-14/TĐ-EMEC ngày 23-9-2014; Phụ lục Hợp đồng số 2 ngày 01-12-2014 và Hợp đồng kinh tế số: 25-15/TĐ-EMEC ngày 20-11-2015.

Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của Công ty Đ về việc yêu cầu Toà án buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền còn nợ của Hợp đồng số: 19-15/TĐ-EMEC ngày 30-10-2015 là 775.664.772 (bảy trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi hai) đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

Công ty C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.890.247 (năm mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn, hai trăm bốn mươi bảy) đồng.

Công ty Đ không phải chịu án phí; hoàn lại cho Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.445.124 (hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0043052 ngày 01-10-2024 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.513.294 (mười bảy triệu, năm trăm mười ba nghìn, hai trăm chín mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0050658 ngày 03-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm: Công ty C phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0027987 ngày 17-10-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./ .

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Toà án nhân dân Khu vực 3 - TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 3 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, Hs (T13).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Quỳnh Trâm